



Vietnam Auditing
and Valuation
Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS CAPITAL
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2022 ĐẾN NGÀY 30/6/2022
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS CAPITAL
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2022 ĐẾN NGÀY 30/6/2022
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT



CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS CAPITAL

Số 07-09, Đường số 07, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông

Thành phố Thủ Đức - Tp Hồ Chí Minh

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS CAPITAL

Số 07-09, Đường số 07, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông

Thành phố Thủ Đức - Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Louis Capital (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty cổ phần Louis Capital được đổi tên từ Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105787835, đăng ký lần đầu ngày 10/02/2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 02/8/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 07-09, Đường số 07, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Thành phố Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022 được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm từ trang 7 đến trang 34.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

- Ngày 14/7/2022, Công ty đã nhận được các đơn xin từ nhiệm các vị trí Trưởng Ban kiểm soát của Bà Nguyễn Thị Kiều Liên; từ nhiệm vị trí Thành viên Ban kiểm soát của Ông Hồ Lê Hoàng Anh; từ nhiệm vị trí Thành viên Ban kiểm soát của Ông Phạm Minh Vương; từ nhiệm vị trí Trưởng Ban kiểm toán nội bộ của Bà Phạm Thu Thảo.
- Ngày 22/7/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết nghị số 21/2022/TGG/HĐQT-NQ thông qua việc bầu Ông Vũ Anh Sinh giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty và miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với Ông Nguyễn Mai Long.
- Ngày 22/7/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết nghị số 22/2022/TGG/HĐQT-NQ thông qua việc miễn nhiệm chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với Ông Trịnh Văn Bảo.
- Ngày 22/7/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết nghị số 23/2022/TGG/HĐQT-NQ thông qua việc bổ nhiệm Ông Võ Kim Nguyên giữ chức vụ Tổng Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Ngày 02/8/2022, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12.
- Ngày 22/7/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết nghị số 24/2022/TGG/HĐQT-NQ thông qua việc bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Trúc Linh giữ chức vụ Kế toán trưởng của Công ty.
- Ngày 27/7/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã nhận được đơn xin từ nhiệm vị trí Thành viên Hội đồng quản trị của Ông Nguyễn Mai Long kể từ ngày 20/7/2022.
- Ngày 27/7/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã nhận được đơn xin từ nhiệm vị trí Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Ông Cao Bá Trung kể từ ngày 21/7/2022.
- Ngày 29/7/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã nhận được đơn xin từ nhiệm vị trí Thành viên Hội đồng quản trị của Ông Ngô Thục Vũ kể từ ngày 28/7/2022.
- Ngày 11/8/2022, Công ty đã gửi thông báo số 149/2022/TGG/TB đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Công ty cổ phần Sametel để công bố thông tin thực hiện đăng ký bán toàn bộ 2.800.100 cổ phần mà Công ty đã đầu tư tại Công ty cổ phần Sametel theo phương thức giao dịch thỏa thuận hoặc khớp lệnh trên sàn theo Nghị quyết số 15/2022/TGG/HĐQT-NQ ngày 20/6/2022 của Hội đồng quản trị.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa có kế hoạch tổ chức đại hội cổ đông bất thường để miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát đã xin từ nhiệm.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không còn sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS CAPITAL

Số 07-09, Đường số 07, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông

Thành phố Thủ Đức - Tp Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm/từ nhiệm
Ông Vũ Anh Sinh	Chủ tịch	Bổ nhiệm 22/7/2022	
Ông Nguyễn Mai Long	Chủ tịch		Miễn nhiệm 22/7/2022
Ông Trịnh Văn Bảo	Phó Chủ tịch		Miễn nhiệm 22/7/2022
Ông Trịnh Văn Bảo	Thành viên		Từ nhiệm 26/4/2022
Ông Nguyễn Mai Long	Thành viên		Từ nhiệm 20/7/2022
Ông Cao Bá Trung	Thành viên		Từ nhiệm 21/7/2022
Ông Ngô Thục Vũ	Thành viên		Từ nhiệm 28/7/2022
Ông Vũ Anh Sinh	Thành viên	Bổ nhiệm 15/4/2022	
Ông Phùng Trung Thủy	Thành viên		Miễn nhiệm 15/4/2022

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm/từ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Kiều Liên	Trưởng ban		Từ nhiệm 14/7/2022
Ông Hồ Lê Hoàng Anh	Thành viên		Từ nhiệm 14/7/2022
Ông Phạm Minh Vương	Thành viên		Từ nhiệm 14/7/2022

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm/từ nhiệm
Ông Võ Kim Nguyên	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm 22/7/2022	
Ông Ngô Thục Vũ	Tổng Giám đốc		Miễn nhiệm 18/7/2022
Ông Vũ Anh Sinh	Phó Tổng Giám đốc		Miễn nhiệm 22/7/2022
Bà Nguyễn Thị Trúc Linh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm 22/7/2022	
Bà Phùng Vũ Tú Anh	Kế toán trưởng		Miễn nhiệm 18/7/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS CAPITAL

Số 07-09, Đường số 07, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông

Thành phố Thủ Đức - Tp Hồ Chí Minh

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/6/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Louis Capital
phê duyệt Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày
01/01/2022 đến ngày 30/6/2022 của Công ty

Tp Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2022

T.M/ Hội đồng quản trị

Chủ tịch



Vũ Anh Sinh

Tp Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2022

Tổng Giám đốc

Võ Kim Nguyên

Số: 706 /BCKT/TC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Louis Capital

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Louis Capital (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 26/8/2022, từ trang 7 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2022, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc vấn đề được đề cập tại Thuyết minh số V.17a trong bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong đó mô tả số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ (“Mã số 421”) của Công ty tại ngày 01/01/2022 có một phần lợi nhuận đến từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 liên quan đến cổ phiếu của Công ty cổ phần Louis Land (trước đây là Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thu) (mã chứng khoán BII) và một số cổ phiếu khác. Ngày 20/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra (C03) Bộ Công an đã ra quyết định khởi tố vụ án “Thao túng thị trường chứng khoán” xảy ra tại Công ty cổ phần chứng khoán Trí Việt (TVB), Công ty cổ phần Louis Holdings, Công ty cổ phần Louis Capital, Công ty cổ phần Louis Land và các đơn vị liên quan; đồng thời, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã ra quyết định khởi tố bị can, lệnh bắt bị can để tạm giam, lệnh khám xét đối với 04 cá nhân về tội “Thao túng thị trường chứng khoán”, trong đó có Ông Đỗ Thành Nhân (Nguyên là thành viên Hội đồng quản trị Công ty). Đến thời điểm phát hành báo cáo này, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định cuối cùng về vụ án nêu trên.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 đã được soát xét bởi một Công ty kiểm toán khác với báo cáo soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đề ngày 14/8/2021 trình bày kết luận chấp nhận toàn phần.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa có kế hoạch tổ chức đại hội cổ đông bất thường để miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát đã xin từ nhiệm.

Kết luận kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề này.



[Handwritten signature in blue ink]

BÙI QUANG HỢP

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHNKT số 1796-2019-126-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ

THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			30/6/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		56.882.632.700	93.688.094.228
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	150.209.420	854.611.950
1. Tiền	111		150.209.420	854.611.950
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	46.495.520.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	-	46.495.520.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		56.096.839.592	46.094.216.080
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	6.112.684	113.299.979
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	46.246.753.001	46.190.812.001
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	23.801.900.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	497.831.008	-
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.7	(14.455.757.101)	(209.895.900)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		635.583.688	243.746.198
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	-	3.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		635.567.689	240.746.198
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	15.999	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		296.337.853.039	303.746.345.670
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.600.000.000	6.600.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	6.600.000.000	6.600.000.000
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	-	-
- Nguyên giá	222		-	300.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-	(300.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	33.885.709.402	33.885.709.402
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		33.885.709.402	33.885.709.402
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	243.384.611.178	250.622.330.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		167.380.330.000	165.530.330.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		83.300.000.000	83.300.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	1.792.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(7.295.718.822)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.467.532.459	12.638.306.268
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	12.467.532.459	12.638.306.268
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		353.220.485.739	397.434.439.898

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng
01/01/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		48.241.625.553	87.101.327.816
I. Nợ ngắn hạn	310		42.083.825.553	80.948.327.816
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	38.217.237.955	70.589.760.904
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	64.129.098	6.280.617.133
3. Phải trả người lao động	314		190.908.000	309.769.613
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	126.296.296	299.667.891
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	2.154.207.476	2.137.465.547
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	-	-
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.331.046.728	1.331.046.728
II. Nợ dài hạn	330		6.157.800.000	6.153.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	6.157.800.000	6.153.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		304.978.860.186	310.333.112.082
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	304.978.860.186	310.333.112.082
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		272.999.900.000	272.999.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		272.999.900.000	272.999.900.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.889.093.455	2.889.093.455
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.089.866.731	34.444.118.627
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		34.444.118.627	(35.175.392.464)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(5.354.251.896)	69.619.511.091
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		353.220.485.739	397.434.439.898

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Tp Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Trúc Linh



Nguyễn Thị Trúc Linh



Võ Kim Nguyên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	83.018.822	17.862.684.724
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		83.018.822	17.862.684.724
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	55.934.904	17.466.262.583
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.083.918	396.422.141
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	22.966.828.125	174.156.641
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7.781.712.280	30.438.632
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		330.968.458	30.438.632
8. Chi phí bán hàng	25		14.100.000	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	20.264.429.392	(42.424.817.429)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.066.329.629)	42.964.957.579
11. Thu nhập khác	31		4.629.633	27
12. Chi phí khác	32	VI.6	292.551.900	652.222.196
13. Lợi nhuận khác	40		(287.922.267)	(652.222.169)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.354.251.896)	42.312.735.410
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(5.354.251.896)	42.312.735.410

Tp Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Nguyễn Thị Trúc Linh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Trúc Linh

Tổng Giám đốc



Võ Kim Nguyễn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo phương pháp gián tiếp

Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(5.354.251.896)	42.312.735.410
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	-	152.943.336
- Các khoản dự phòng	03	21.541.580.023	(43.160.257.861)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(566.977.755)	378.722.273
- Chi phí lãi vay	06	330.968.458	30.438.632
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	15.951.318.830	(285.418.210)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(366.549.706)	28.668.820.623
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	13.773.964.043
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(255.772.686)	3.552.677.884
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	173.773.809	177.147.264
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	46.495.520.000	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(330.968.458)	(158.061.942)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.103.945.576)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	55.563.376.213	45.729.129.662
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(45.042.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	4.629.630	1.107.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(24.069.900.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	268.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(34.350.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.792.000.000	89.572.500.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	87.491.627	95.399
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(56.267.778.743)	45.637.595.399
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	107.840.022.981	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(107.840.022.981)	(1.193.708.684)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(1.193.708.684)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(704.402.530)	90.173.016.377
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	854.611.950	769.018.622
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	150.209.420	90.942.034.999

Tp Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Trúc Linh



Nguyễn Thị Trúc Linh



Vũ Kim Nguyễn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Louis Capital được đổi tên từ Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105787835, đăng ký lần đầu ngày 10/02/2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 02/8/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 07-09, Đường số 07, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Thành phố Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là TGG.

Ngày 31/5/2021, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 306/QĐ-SGDHCM chuyển cổ phiếu TGG từ diện cảnh báo sang diện kiểm soát kể từ ngày 07/6/2021. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vẫn tiếp tục giữ nguyên diện kiểm soát đối với cổ phiếu TGG.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2022 là 05 người (tại ngày 01/01/2022 là 08 người).

2. Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là tư vấn quản lý, mua bán chứng khoán kinh doanh, cho thuê mặt bằng.

3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2022, Công ty có 05 Công ty con, 01 Công ty liên kết và 03 Chi nhánh, cụ thể như sau:

Tên doanh nghiệp	Trụ sở chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/6/2022 (đồng)	Hoạt động kinh doanh chính
<i>Công ty mẹ</i>				
Công ty cổ phần Louis Capital	Tp HCM	100,0%	272.999.900.000	Kinh doanh thương mại, tư vấn quản lý, mua bán doanh nghiệp
<i>Các Công ty con</i>				
Công ty cổ phần Golden Paddy	An Giang	51,0%	65.000.000.000	Kinh doanh gạo
Công ty cổ phần Sametel	Đồng Nai	51,2%	54.674.320.000	Kinh doanh vật liệu điện, viễn thông, năng lượng điện
Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Louis AMC	Tp HCM	85,6%	111.127.000.000	Mua bán tài sản, mua bán nợ
Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global	Tp HCM	100,0%	2.000.000.000	Kho vận, logistics
Công ty TNHH MTV Thu mua phụ phẩm PBP	Tp HCM	100,0%	1.850.000.000	Kinh doanh mua bán phụ phẩm từ gạo

3. Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Tên doanh nghiệp	Trụ sở chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/6/2022 (đồng)	Hoạt động kinh doanh chính
<i>Công ty liên kết</i>				
Công ty TNHH Angimex Furious	An Giang	49,0%	100.000.000.000	Mua bán xe gắn máy và phụ tùng, dịch vụ sửa chữa
<i>Các Chi nhánh</i>				
Chi nhánh Hà Nội - Công ty cổ phần Louis Capital	Hà Nội	100,0%		Hoạt động tư vấn quản lý
Chi nhánh Phú Thọ - Công ty cổ phần Louis Capital	Phú Thọ	100,0%		Xây dựng
Chi nhánh Công ty cổ phần Louis Capital - Trang trại Hòa Bình	Hòa Bình	100,0%		Chăn nuôi

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán giữa niên độ của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 30/6 hàng năm.

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp và các văn bản pháp lý sửa đổi, bổ sung khác theo qui định của nhà nước.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về tài sản, công nợ và việc trình bày các khoản tài sản, công nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Đầu tư vào Công ty con***

Công ty con là các Công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty liên kết được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh phản ánh tình hình mua, bán và thanh toán các loại chứng khoán theo quy định của pháp luật nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định***Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình***

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và các văn bản pháp lý sửa đổi, bổ sung khác theo qui định của nhà nước, cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	6 - 10

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ, chi phí lãi vay được vốn hóa và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê mặt bằng, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, hoặc nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng. Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán. Dư phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Giá trị khoản nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê còn phải trả tại thời điểm lập BCTC.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ.

Khi lập BCTC số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay, thuê tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu***Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được phê duyệt bởi các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chậm thanh toán, lãi mua bán chứng khoán kinh doanh, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, bảng tính lãi chậm thanh toán, lãi khi bán chứng khoán kinh doanh.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn, các khoản phí giao dịch mua bán chứng khoán kinh doanh và các khoản lỗ do mua bán chứng khoán kinh doanh.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

19. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tất cả các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

20. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		Đơn vị tính: đồng	
		30/6/2022	01/01/2022
1. Tiền và các khoản tương đương tiền			
- Tiền mặt		143.624.905	143.689.913
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		6.584.515	710.922.037
Cộng		150.209.420	854.611.950

		30/6/2022			01/01/2022		
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
2. Chứng khoán kinh doanh							
- Công ty cổ phần Dược Lâm Đồng		-	-	-	46.495.520.000	48.750.000.000	-
Cộng		-	-	-	46.495.520.000	48.750.000.000	-

Số lượng cổ phiếu của Công ty cổ phần Dược Lâm Đồng Công ty sở hữu tại ngày 31/12/2021 là 1.300.000 cổ phiếu, giá đóng cửa ngày 31/12/2021 là 37.500 đồng/cổ phiếu.

Ngày 16/3/2022, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 1.300.000 cổ phần Công ty đang sở hữu tại Công ty cổ phần Dược Lâm Đồng cho Công ty cổ phần Louis Holdings theo phương thức thỏa thuận với giá là 53.000 đồng/cổ phiếu.

		30/6/2022	01/01/2022
3. Phải thu khách hàng			
<i>a) Phải thu khách hàng là bên thứ ba</i>		6.112.684	58.299.979
- Các khách hàng khác		6.112.684	58.299.979
<i>b) Phải thu khách hàng là bên liên quan</i>		-	55.000.000
- Chi tiết tại thuyết minh số VIII.2		-	55.000.000
Cộng		6.112.684	113.299.979

		30/6/2022	01/01/2022
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn			
<i>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn là bên thứ ba</i>		46.246.753.001	1.190.812.001
- Từ Thị Hồng Thanh		45.000.000.000	-
- Các khách hàng khác		1.246.753.001	1.190.812.001
<i>b) Trả trước cho người bán ngắn hạn là bên liên quan</i>		-	45.000.000.000
- Chi tiết tại thuyết minh số VIII.2		-	45.000.000.000
Cộng		46.246.753.001	46.190.812.001

Trả trước cho Bà Từ Thị Hồng Thanh để mua lại cổ phần tại Công ty cổ phần Golden Paddy theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2021/HĐCNCP ngày 10/9/2021. Tại ngày 30/6/2022, khoản trả trước nêu trên đã quá hạn thanh toán và Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi. (Xem thuyết minh số V.7)

		30/6/2022	01/01/2022
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
- Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Louis AMC		23.801.900.000	-
Cộng		23.801.900.000	-

Cho Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Louis AMC vay theo Hợp đồng vay vốn số 2803/2022/HĐVV-TGG-AMC ngày 28/3/2022, mục đích vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày nhận được đủ số tiền vay, lãi suất vay cố định 9%/năm, hình thức vay tín chấp.

	30/6/2022	01/01/2022
6. Phải thu khác		
a) Phải thu ngắn hạn khác	497.831.008	-
<i>Phải thu ngắn hạn khác là bên thứ ba</i>	<i>22.974.510</i>	-
- Tạm ứng	22.974.510	-
<i>Phải thu ngắn hạn khác là bên liên quan</i>	<i>474.856.498</i>	-
- Chi tiết tại thuyết minh số VIII.2	474.856.498	-
b) Phải thu dài hạn khác	6.600.000.000	6.600.000.000
- Ký cược, ký quỹ	6.600.000.000	6.600.000.000
Cộng	7.097.831.008	6.600.000.000

Khoản ký cược, ký quỹ dài hạn thể hiện khoản tiền Công ty đã nộp ngày 29/6/2021 cho Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ để đảm bảo thực hiện dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên tại Tiểu khu 48, Xã Quân Khê, Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ theo Quyết định chủ trương đầu tư số 2237/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Phú Thọ. Đến thời điểm này, dự án vẫn đang được thực hiện. (Xem thuyết minh số V.10)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS CAPITAL

Số 07-09, Đường số 07, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Thành phố Thủ Đức - Tp Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

	30/6/2022		Đơn vị tính: đồng 01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá trị thể thu hồi dự phòng
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi				
a) Trả trước cho người bán	46.129.653.001	31.673.895.900	(14.455.757.101)	489.757.101
Từ Thị Hồng Thanh	45.000.000.000	31.500.000.000	(13.500.000.000)	-
Chi nhánh Tổng Công ty ACC - Xi nghiệp tư vấn thiết kế và xây dựng ACC	430.000.000	129.000.000	(301.000.000)	-
Công ty TNHH Kiến trúc và chuyển giao công nghệ Hà Nội	550.000.001	-	(550.000.001)	385.000.001
Công ty cổ phần Đầu tư và Tư vấn Phương Bắc - Chi nhánh Phú Thọ	66.653.000	19.995.900	(46.657.100)	46.657.100
Trung tâm tư vấn và phát triển lâm nghiệp	50.000.000	15.000.000	(35.000.000)	35.000.000
Công ty cổ phần Kiến trúc và Xây dựng AU	33.000.000	9.900.000	(23.100.000)	23.100.000
Cộng	46.129.653.001	31.673.895.900	(14.455.757.101)	489.757.101
				(209.895.900)

Ban Tổng Giám đốc Công ty trích lập dự phòng cho các khoản công nợ phải thu ngắn hạn khó đòi dựa trên những đánh giá về tình hình tài chính thực tế và khả năng thu hồi nợ từ các đối tượng nợ. Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

	30/6/2022	01/01/2022
8. Chi phí trả trước		
<i>a) Ngắn hạn</i>	-	3.000.000
- Các khoản chi phí khác	-	3.000.000
<i>b) Dài hạn</i>	12.467.532.459	12.638.306.268
- Chi phí thuê diện tích thương mại dịch vụ, văn phòng tòa nhà SME Hoàng Gia	12.467.532.459	12.638.306.268
Cộng	12.467.532.459	12.641.306.268

Chi phí thuê diện tích thương mại dịch vụ, văn phòng tòa nhà SME Hoàng Gia theo Hợp đồng cho thuê số 01-T5(S1.S3)HĐCTMB/SME-HG ngày 20/6/2016 giữa Công ty cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia và Công ty. Tổng diện tích thuê là 582,0m², thời hạn thuê từ tháng 6/2016 đến hết tháng 6/2058, tổng giá trị tiền thuê của hợp đồng là 16.000.000.000 đồng.

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Phương tiện vận tải	
		Cộng
Khoản mục		
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu kỳ	300.000.000	300.000.000
Số tăng trong kỳ	-	-
Số giảm trong kỳ	300.000.000	300.000.000
- Thanh lý nhượng bán	300.000.000	300.000.000
Số dư cuối kỳ	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	300.000.000	300.000.000
Số tăng trong kỳ	-	-
- Khấu hao trong kỳ	-	-
Số giảm trong kỳ	300.000.000	300.000.000
- Thanh lý nhượng bán	300.000.000	300.000.000
Số dư cuối kỳ	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	-

	30/6/2022	01/01/2022
10. Tài sản dở dang dài hạn		
<i>a) Xây dựng cơ bản dở dang</i>	33.885.709.402	33.885.709.402
- Dự án Trang trại chăn nuôi lợn theo hướng công nghiệp	30.923.548.620	30.923.548.620
- Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên	2.962.160.782	2.962.160.782
Cộng	33.885.709.402	33.885.709.402

Dự án Trang trại chăn nuôi lợn theo hướng công nghiệp tại Xóm Phương Viên, Xã Tân Thành, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 25121000446 do Ủy ban nhân dân Tỉnh Hòa Bình chứng nhận ngày 13/5/2014. Theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thì tổng vốn đầu tư của dự án là 150 tỷ đồng, thời gian khai thác dự kiến là quý II/2016. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, dự án vẫn chưa thực hiện xong và đang tạm ngừng thi công. Công ty đang tiến hành các thủ tục để điều chỉnh quy mô, mục tiêu và tiến độ thực hiện dự án.

Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên tại Tiểu khu 48, Xã Quân Khê, Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ theo Quyết định chủ trương đầu tư số 2237/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Phú Thọ. Tổng mức đầu tư giai đoạn I (2017-2021) là 118,8 tỷ đồng, tổng mức đầu tư giai đoạn 2 (2021-2025) là 174,5 tỷ đồng. Đến thời điểm hiện tại, dự án vẫn đang được thực hiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS CAPITAL

Số 07-09, Đường số 07, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông Thành phố Thủ Đức - Tp Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

11. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2022		Đơn vị tính: đồng	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
a) Đầu tư vào Công ty con	167.380.330.000	(7.295.718.822)	35.841.280.000	43.401.550.000
- Công ty cổ phần Golden Paddy	30.000.000.000	(7.295.718.822)	-	-
- Công ty cổ phần Sametel	44.830.330.000	-	35.841.280.000	43.401.550.000
- Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Louis AMC	88.700.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global	2.000.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Thu mua phụ phẩm PBP	1.850.000.000	-	-	-
b) Đầu tư vào Công ty liên kết	83.300.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Angimex Furious	83.300.000.000	-	-	-
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-	-
- Công ty cổ phần Du lịch Ao Giời - Suối Tiên	-	-	-	-
Cộng	250.680.330.000	(7.295.718.822)	35.841.280.000	43.401.550.000

Ngoài khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Sametel đã niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") được xác định giá trị hợp lý theo giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các Công ty chưa niêm yết.

Ngày 20/6/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 15/2022/TGG/HĐQT-NQ thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ 2.800.100 cổ phần mà Công ty đã đầu tư tại Công ty cổ phần Sametel. Ngày 11/8/2022, Công ty đã gửi thông báo số 149/2022/TGG/TB đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Công ty cổ phần Sametel để công bố thông tin thực hiện đăng ký bán toàn bộ 2.800.100 cổ phần mà Công ty đã đầu tư tại Công ty cổ phần Sametel theo phương thức giao dịch thỏa thuận hoặc khớp lệnh trên sàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS CAPITAL

Số 07-09, Đường số 07, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông Thành phố Thủ Đức - Tp Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

11. Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)**Thông tin chi tiết về Công ty con, Công ty liên kết của Công ty tại ngày 30/6/2022 như sau:**

TT	Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp	Vốn góp của		
					Công ty theo mệnh giá	Tỷ lệ sở hữu vốn của Công ty	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty
1.	Công ty cổ phần Golden Paddy	An Giang	Kinh doanh gạo	65.000.000.000	30.000.000.000	46,2%	51,0%
2.	Công ty cổ phần Sametel	Đồng Nai	Kinh doanh vật liệu điện, viễn thông, năng lượng điện	54.674.320.000	28.001.000.000	51,2%	51,2%
3.	Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Louis AMC	Tp Hồ Chí Minh	Mua bán tài sản, mua bán nợ	111.127.000.000	88.700.000.000	79,8%	79,8%
4.	Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global	Tp Hồ Chí Minh	Kho vận, logistics	2.000.000.000	2.000.000.000	100,0%	100,0%
5.	Công ty TNHH MTV Thu mua phụ phẩm PBP	Tp Hồ Chí Minh	Kinh doanh mua bán phụ phẩm từ gạo	1.850.000.000	1.850.000.000	100,0%	100,0%
6.	Công ty TNHH Angimex Furious	An Giang	Mua bán xe gắn máy và phụ tùng, dịch vụ sửa chữa	100.000.000.000	49.000.000.000	49,0%	49,0%

	30/6/2022	01/01/2022
12. Phải trả người bán		
<i>a) Phải trả người bán ngắn hạn là bên thứ ba</i>	5.606.342.058	5.592.004.313
- Các nhà cung cấp khác	5.606.342.058	5.592.004.313
<i>b) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan</i>	32.610.895.897	64.997.756.591
- Chi tiết tại thuyết minh số VIII.2	32.610.895.897	64.997.756.591
Cộng	38.217.237.955	70.589.760.904

Tại ngày 01/01/2022 và 30/6/2022, Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ	30/6/2022
<i>a) Phải nộp</i>	6.280.617.133	242.457.291	6.458.945.326	64.129.098
- Thuế giá trị gia tăng	-	808.500	808.500	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.103.929.577	-	6.103.929.577	-
- Thuế thu nhập cá nhân	176.687.556	235.579.179	348.137.637	64.129.098
- Các khoản phải nộp khác	-	6.069.612	6.069.612	-
Cộng	6.280.617.133	242.457.291	6.458.945.326	64.129.098
<i>b) Phải thu</i>	-	-	15.999	15.999
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	15.999	15.999
Cộng	-	-	15.999	15.999

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn	30/6/2022	01/01/2022
- Chi phí khác	126.296.296	299.667.891
Cộng	126.296.296	299.667.891

15. Phải trả khác	30/6/2022	01/01/2022
<i>a) Ngắn hạn</i>	2.154.207.476	2.137.465.547
- Kinh phí công đoàn	38.338.566	30.496.566
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	10.288.910	938.310
- UBND Tỉnh Hòa Bình hỗ trợ	2.100.000.000	2.100.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.580.000	6.030.671
<i>b) Dài hạn</i>	6.157.800.000	6.153.000.000
- Tiền hợp tác đầu tư Khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên	6.153.000.000	6.153.000.000
- Nhận ký cược, ký quỹ	4.800.000	-
Cộng	8.312.007.476	8.290.465.547

UBND Tỉnh Hòa Bình hỗ trợ cho Công ty để thực hiện dự án Trang trại chăn nuôi lợn theo hướng công nghiệp tại Xóm Phương Viên, Xã Tân Thành, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình. (Xem thuyết minh số V.10)

Tiền hợp tác đầu tư Khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên nhận của các cá nhân theo các hợp đồng hợp tác đầu tư để cùng thực hiện dự án. (Xem thuyết minh số V.10)

16. Vay và nợ thuê tài chính	30/6/2022		01/01/2022	
	Số có khả năng trả nợ	Trong kỳ		Số có khả năng trả nợ
		Tăng	Giảm	
<i>a) Vay ngắn hạn</i>	-	107.840.022.981	107.840.022.981	-
- Công ty cổ phần Louis Holdings	-	39.150.000.000	39.150.000.000	-
- Công ty cổ phần chứng khoán APG	-	68.690.022.981	68.690.022.981	-
Cộng	-	107.840.022.981	107.840.022.981	-

Khoản vay của Công ty cổ phần Louis Holdings theo các hợp đồng vay vốn ngắn hạn, mục đích vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay 9%/năm, hình thức vay tín chấp.

Khoản vay của Công ty cổ phần chứng khoán APG thể hiện khoản ứng trước tiền bán chứng khoán kinh doanh trong kỳ, phí ứng trước tiền bán chứng khoán theo quy định của Công ty chứng khoán tại thời điểm thực hiện ứng.

17. **Vốn chủ sở hữu**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	272.999.900.000	2.889.093.455	(34.468.855.952)	241.420.137.503
- Lãi trong năm trước	-	-	69.619.511.091	69.619.511.091
- Giảm khác	-	-	(706.536.512)	(706.536.512)
Số dư đầu năm nay	272.999.900.000	2.889.093.455	34.444.118.627	310.333.112.082
- Lỗ trong năm nay	-	-	(5.354.251.896)	(5.354.251.896)
Số dư cuối kỳ	272.999.900.000	2.889.093.455	29.089.866.731	304.978.860.186

Số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ ("Mã số 421") của Công ty tại ngày 01/01/2022 có một phần lợi nhuận đến từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 liên quan đến cổ phiếu của Công ty cổ phần Louis Land (trước đây là Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư) (mã chứng khoán BII) và một số cổ phiếu khác. Ngày 20/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra (C03) Bộ Công an đã ra quyết định khởi tố vụ án "Thao túng thị trường chứng khoán" xảy ra tại Công ty cổ phần chứng khoán Trí Việt (TVB), Công ty cổ phần Louis Holdings, Công ty cổ phần Louis Capital, Công ty cổ phần Louis Land và các đơn vị liên quan; đồng thời, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã ra quyết định khởi tố bị can, lệnh bắt bị can để tạm giam, lệnh khám xét đối với 04 cá nhân về tội "Thao túng thị trường chứng khoán", trong đó có Ông Đỗ Thành Nhân (Nguyên là thành viên Hội đồng quản trị Công ty). Đến thời điểm phát hành báo cáo này, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định cuối cùng về vụ án nêu trên.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá trị	%	Giá trị	%
- Vốn góp của các cổ đông	272.999.900.000	100,0%	272.999.900.000	100,0%
Cộng	272.999.900.000	100,0%	272.999.900.000	100,0%

c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Kỳ này	Kỳ trước
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	272.999.900.000	272.999.900.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	272.999.900.000	272.999.900.000
+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

17. **Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

<i>d) Cổ phiếu</i>	30/6/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.299.990	27.299.990
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.299.990	27.299.990
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.299.990	27.299.990
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.299.990	27.299.990
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.299.990	27.299.990
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

VI. **THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Đơn vị tính: đồng	
	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	3.909.090.909
- Doanh thu bán hàng hóa	-	13.893.728.815
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	83.018.822	59.865.000
Cộng	83.018.822	17.862.684.724
2. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	-	3.636.363.636
- Giá vốn bán hàng hóa	-	13.773.964.043
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	55.934.904	55.934.904
Cộng	55.934.904	17.466.262.583
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	562.348.125	95.399
- Lãi chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh	22.404.480.000	-
- Lãi chậm thanh toán	-	174.061.242
Cộng	22.966.828.125	174.156.641
4. Chi phí tài chính		
- Lãi tiền vay	330.968.458	30.438.632
- Phí mua bán chứng khoán kinh doanh	155.025.000	-
- Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	7.295.718.822	-
Cộng	7.781.712.280	30.438.632

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên	1.455.133.961	174.713.165
- Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	14.245.861.201	(43.160.257.861)
- Chi phí khác	4.563.434.230	560.727.267
Cộng	20.264.429.392	(42.424.817.429)
6. Chi phí khác		
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	378.817.672
- Chi phí khác	292.551.900	273.404.524
Cộng	292.551.900	652.222.196
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
a. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.354.251.896)	42.312.735.410
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	314.428.300	(42.312.735.410)
c. Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp (a+b)	(5.039.823.596)	-
d. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
e. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm (c*d)	-	-
f. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (e)	-	-
8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.332.000	-
- Chi phí nhân công	1.455.133.961	174.713.165
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	152.943.336
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	14.245.861.201	(43.160.257.861)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.558.064.533	425.671.333
- Chi phí khác bằng tiền	58.072.601	38.047.502
Cộng	20.334.464.296	(42.368.882.525)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BC LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong kỳ không bao gồm số tiền tại ngày 30/6/2022 là 32.300.000.000 đồng (tại ngày 01/01/2022 là 64.800.000.000 đồng), là tiền chi trả nợ để mua công cụ vốn từ kỳ trước. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên mục tăng giảm các khoản phải trả.
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm số tiền tại ngày 30/6/2022 là 474.856.498 đồng (tại ngày 01/01/2022 là 0 đồng), là tiền lãi cho vay nhưng chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên mục tăng giảm các khoản phải thu.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

- Ngày 14/7/2022, Công ty đã nhận được các đơn xin từ nhiệm các vị trí Trưởng Ban kiểm soát của Bà Nguyễn Thị Kiều Liên; từ nhiệm vị trí Thành viên Ban kiểm soát của Ông Hồ Lê Hoàng Anh; từ nhiệm vị trí Thành viên Ban kiểm soát của Ông Phạm Minh Vương; từ nhiệm vị trí Trưởng Ban kiểm toán nội bộ của Bà Phạm Thu Thảo.
- Ngày 22/7/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết nghị số 21/2022/TGG/HĐQT-NQ thông qua việc bầu Ông Vũ Anh Sinh giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty và miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với Ông Nguyễn Mai Long.
- Ngày 22/7/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết nghị số 22/2022/TGG/HĐQT-NQ thông qua việc miễn nhiệm chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với Ông Trịnh Văn Bảo.
- Ngày 22/7/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết nghị số 23/2022/TGG/HĐQT-NQ thông qua việc bổ nhiệm Ông Võ Kim Nguyên giữ chức vụ Tổng Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Ngày 02/8/2022, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12.
- Ngày 22/7/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết nghị số 24/2022/TGG/HĐQT-NQ thông qua việc bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Trúc Linh giữ chức vụ Kế toán trưởng của Công ty.
- Ngày 27/7/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã nhận được đơn xin từ nhiệm vị trí Thành viên Hội đồng quản trị của Ông Nguyễn Mai Long kể từ ngày 20/7/2022.
- Ngày 27/7/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã nhận được đơn xin từ nhiệm vị trí Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Ông Cao Bá Trung kể từ ngày 21/7/2022.
- Ngày 29/7/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã nhận được đơn xin từ nhiệm vị trí Thành viên Hội đồng quản trị của Ông Ngô Thục Vũ kể từ ngày 28/7/2022.
- Ngày 11/8/2022, Công ty đã gửi thông báo số 149/2022/TGG/TB đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Công ty cổ phần Sametel để công bố thông tin thực hiện đăng ký bán toàn bộ 2.800.100 cổ phần mà Công ty đã đầu tư tại Công ty cổ phần Sametel theo phương thức giao dịch thỏa thuận hoặc khớp lệnh trên sàn theo Nghị quyết số 15/2022/TGG/HĐQT-NQ ngày 20/6/2022 của Hội đồng quản trị.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa có kế hoạch tổ chức đại hội cổ đông bất thường để miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát đã xin từ nhiệm.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không còn sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

2. Thông tin về các bên có mối quan hệ liên quan

Danh sách các bên có mối quan hệ liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty cổ phần Golden Paddy	Công ty con
- Công ty cổ phần Sametel	Công ty con
- Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Louis AMC	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Thu mua phụ phẩm PBP	Công ty con
- Công ty TNHH Angimex Furious	Công ty liên kết
- Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng công nghiệp Tân Vinh	Nguyên là Công ty liên kết
- Công ty cổ phần Đầu tư phát triển 299	Nguyên là Công ty liên kết
- Công ty cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	Nguyên Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt
- Công ty cổ phần Dược Lâm Đồng	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt
- Công ty TNHH XNK Lương thực thực phẩm Thiên Vũ	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
- Công ty cổ phần XNK An Giang	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
- Công ty cổ phần Louis Land	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
- Công ty cổ phần Louis Holdings	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
- Công ty Xây dựng Trường Giang	Người có liên quan của thành viên lãnh đạo chủ chốt
- Ông Lê Quang Nhuận	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
- Ông Nguyễn Cảnh Dinh	Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Bà Nguyễn Thị Đông	Nguyên Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Phùng Văn Xuân	Nguyên Tổng Giám đốc
- Ông Vũ Anh Sinh	Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phó Tổng Giám đốc
- Bà Từ Thị Hồng Thanh	Nguyên Tổng Giám đốc Công ty con
- Bà Ngô Thị Huyền	Người có liên quan của thành viên lãnh đạo chủ chốt
- Bà Phùng Vũ Tú Anh	Nguyên Kế toán trưởng

Các giao dịch chủ yếu với các bên có mối quan hệ liên quan như sau:

	Đơn vị tính: đồng	
	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Louis AMC		
- Chi phí thuê xe ô tô	98.787.880	-
- Trả tiền thuê xe ô tô	76.066.669	-
- Cho vay	24.069.900.000	-
- Thu hồi tiền cho vay	268.000.000	-
- Tiền lãi cho vay	562.216.068	-
- Thu tiền lãi cho vay	87.359.570	-
Công ty TNHH MTV Thu mua phụ phẩm PBP		
- Góp vốn	1.850.000.000	-

2. Thông tin về các bên có mối quan hệ liên quan (tiếp theo)

Các giao dịch chủ yếu với các bên có mối quan hệ liên quan như sau:

Công ty cổ phần Đầu tư phát triển 299	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Thu tiền bán hàng	-	7.297.475.898
Công ty cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Thu tiền bán hàng	-	5.370.607.985
Công ty cổ phần Dược Lâm Đồng	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Mua hàng	31.199.904	-
- Trả tiền mua hàng	46.156.588	-
Công ty TNHH XNK Lương thực thực phẩm Thiên Vũ	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Thu tiền bán hàng	55.000.000	-
Công ty cổ phần XNK An Giang	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Trả tiền mua vốn	32.500.000.000	-
Công ty cổ phần Louis Land	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Chi phí thuê văn phòng	375.636.364	-
- Trả tiền thuê văn phòng	255.000.000	-
Công ty cổ phần Louis Holdings	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Vay tiền	39.150.000.000	-
- Trả tiền vay	39.150.000.000	-
- Chi phí lãi tiền vay	276.016.439	-
- Trả lãi tiền vay	276.016.439	-
- Bán cổ phần	68.900.000.000	-
- Thu tiền bán cổ phần	68.900.000.000	-
- Mua dịch vụ	3.000.000.000	-
- Trả tiền mua dịch vụ	3.300.000.000	-
Công ty Xây dựng Trường Giang	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Thu tiền bán hàng	-	13.444.475.296
- Phải thu lãi chậm thanh toán	-	174.061.242
- Thu tiền bán cổ phần	-	44.572.500.000

2. Thông tin về các bên có mối quan hệ liên quan (tiếp theo)

Các giao dịch chủ yếu với các bên có mối quan hệ liên quan như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
Ông Lê Quang Nhuận		
- Đặt cọc mua văn phòng	-	45.000.000.000
Ông Nguyễn Cảnh Dinh		
- Tạm ứng	-	6.150.001.000
- Thu hồi tạm ứng	-	895.839.400
- Thu hồi công nợ	-	5.275.378.500
Bà Nguyễn Thị Đông		
- Tạm ứng	-	10.981.750.000
- Thu hồi tạm ứng	-	11.319.819.193
- Trả hộ công nợ phải thu cho các khách hàng	-	60.270.890.247
Ông Phùng Văn Xuân		
- Thu hồi tạm ứng	-	1.500.000.000
Ông Vũ Anh Sinh		
- Tạm ứng	31.362.983.561	-
- Thu hồi tạm ứng	31.362.983.561	-
Bà Ngô Thị Huyền		
- Phải thu về tiền chuyển nhượng cổ phần	-	10.000.000.000
- Thu về tiền bán cổ phần Tân Vinh	-	10.000.000.000
- Phải thu tiền hợp tác kinh doanh	-	594.000.000
Bà Phùng Vũ Tú Anh		
- Tạm ứng	220.000.000	-
- Thu hồi tạm ứng	220.000.000	-

2. Thông tin về các bên có mối quan hệ liên quan (tiếp theo)

Các giao dịch chủ yếu với các bên có mối quan hệ liên quan như sau:

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
		đến 30/6/2022	đến 30/6/2021
Ông Nguyễn Mai Long	Chủ tịch Hội đồng quản trị	378.428.568	-
Ông Trịnh Văn Bảo	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	215.487.334	-
Ông Ngô Thục Vũ	Tổng Giám đốc	592.973.142	-
Ông Vũ Anh Sinh	Phó Tổng Giám đốc	117.200.000	-
Ông Phùng Văn Xuân	Tổng Giám đốc	-	80.669.765
Bà Phùng Vũ Tú Anh	Kế toán trưởng	192.180.513	-
Cộng		1.496.269.557	80.669.765

Số dư chủ yếu với các bên có mối quan hệ liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2022	01/01/2022
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		Đơn vị tính: đồng
- Công ty TNHH XNK Lương thực thực phẩm Thiên Vũ	-	55.000.000
Cộng	-	55.000.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
- Bà Từ Thị Hồng Thanh	-	45.000.000.000
Cộng	-	45.000.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
- Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Louis AMC	23.801.900.000	-
Cộng	23.801.900.000	-
Phải thu ngắn hạn khác		
- Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Louis AMC	474.856.498	-
Cộng	474.856.498	-
Phải trả người bán ngắn hạn		
- Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Louis AMC	-	32.600.001
- Công ty cổ phần Dược Lâm Đồng	33.695.897	46.156.590
- Công ty cổ phần XNK An Giang	32.300.000.000	64.800.000.000
- Công ty cổ phần Louis Land	277.200.000	119.000.000
Cộng	32.610.895.897	64.997.756.591

3. Báo cáo bộ phận	Đơn vị tính: đồng	
	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
a) Theo lĩnh vực kinh doanh		
Hoạt động kinh doanh thương mại		
- Doanh thu bán hàng	-	13.893.728.815
- Giá vốn bán hàng	-	13.773.964.043
- Lợi nhuận gộp về bán hàng	-	119.764.772
Hoạt động khác		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng và cung cấp dịch vụ	83.018.822	3.968.955.909
- Giá vốn hợp đồng xây dựng và cung cấp dịch vụ	55.934.904	3.692.298.540
- Lợi nhuận gộp về hợp đồng xây dựng và cung cấp dịch vụ	27.083.918	276.657.369
Tổng cộng		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	83.018.822	17.862.684.724
- Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	55.934.904	17.466.262.583
- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.083.918	396.422.141

b) Theo khu vực địa lý

Hiện tại, hoạt động của Công ty là kinh doanh trong các khu vực địa lý không có khác biệt lớn về điều kiện sản xuất kinh doanh. Do đó, không có Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý được trình bày.

4. Công cụ tài chính	Đơn vị tính: đồng	
	30/6/2022	01/01/2022
Tài sản tài chính		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	150.209.420	854.611.950
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.103.943.692	6.713.299.979
Cộng	7.254.153.112	7.567.911.929
Công nợ tài chính		
- Phải trả người bán và phải trả khác	46.529.245.431	78.880.226.451
- Chi phí phải trả	126.296.296	299.667.891
- Các khoản vay và nợ thuê tài chính	-	-
Cộng	46.655.541.727	79.179.894.342

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ (USD). Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

4. Công cụ tài chính (tiếp theo)***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định các chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác có liên quan.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn nằm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2022	Dưới 01 năm	Trên 01 năm	Tổng cộng
Tài sản tài chính	654.153.112	6.600.000.000	7.254.153.112
- Tiền và các khoản tương đương tiền	150.209.420	-	150.209.420
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	503.943.692	6.600.000.000	7.103.943.692
Công nợ tài chính	40.497.741.727	6.157.800.000	46.655.541.727
- Phải trả người bán và phải trả khác	40.371.445.431	6.157.800.000	46.529.245.431
- Chi phí phải trả	126.296.296	-	126.296.296

4. Công cụ tài chính (tiếp theo)

01/01/2022	Dưới 01 năm	Trên 01 năm	Tổng cộng
Tài sản tài chính	967.911.929	6.600.000.000	7.567.911.929
- Tiền và các khoản tương đương tiền	854.611.950	-	854.611.950
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	113.299.979	6.600.000.000	6.713.299.979
Công nợ tài chính	73.026.894.342	6.153.000.000	79.179.894.342
- Phải trả người bán và phải trả khác	72.727.226.451	6.153.000.000	78.880.226.451
- Chi phí phải trả	299.667.891	-	299.667.891

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

5. Thông tin so sánh

Số dư đầu kỳ trên bảng cân đối kế toán được lấy theo số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam. Số liệu so sánh phần kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được lấy theo báo cáo tài chính tổng hợp từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Thị Trúc Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trúc Linh

Tổng Giám đốc



Võ Kim Nguyên